TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG ĐIỀN** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HS-ST
Ngày 19-02-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG ĐIỀN, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quốc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Nhơn;

2. Ông Lê Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Cảnh Sách - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Điền, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Điền tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Bửu – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2024/HSST, ngày 29 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Đào Công Đ, sinh ngày 24/5/1992 tại: tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H). Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: thôn C - L, xã Q, huyện Q, thành phố H; Nghề nghiệp: thợ nề; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đào Văn T, sinh năm 1957 và bà Phạm Thị P (đã chết); Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình, không có anh , chị, em ruột; Vợ: Nguyễn Thị Thùy T1, sinh năm 1993; Con: không; Tiền án; tiền sự: Không.

Quá trình nhân thân: Từ nhỏ sống với mẹ và ông bà ngoại tại thôn X, xã Q, được cho ăn học đến lớp 06/12 thì nghỉ học. Lớn lên học và làm nghề thợ xây dựng cho đến nay. Tháng 7 năm 2024 lập gia đình riêng và sống cùng vợ tại nhà bố mẹ vợ ở thôn C - L, xã Q, huyện Q, thành phố H.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

Bị hại:

- Cháu Trần Ngọc Khánh L, sinh năm 2017. Nơi cư trú: thôn Đ, xã Q, huyện Q, thành phố H; vắng mặt

- Cháu Lê Ngọc An N, sinh năm 2017. Nơi cư trú: thôn V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt

Đại diện hợp pháp của bị hại (cháu L, cháu N): Ông Trần Văn N1, sinh năm 1985. Nơi cư trú: thôn Đ, xã Q, huyện Q, thành phố H; có mặt

Người làm chứng:

- Ông Trần C, sinh năm 1953. Nơi cư trú: thôn Đ, xã Q, huyện Q, thành phố H; vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị Mỹ L1, sinh năm 1971. Nơi cư trú: thôn Đ, xã Q, huyện Q, thành phố H; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15h00 ngày 17/7/2024, Đào Công Đ sau khi đi dự đámcưới tại xã Q (có sử dụng bia, nồng độ cồn trong máu 32.2 mmol/l) điều khiển xe môtô của mình BKS 75E1-265.65 đi trên tuyết đường bê tông liên thôn B - Đ ra cổng làng Đ, xã Q để về nhà vợ ở thôn C - L, xã Q. Khi đến ngã ba đường vào nhà thờ đạo thôn Đ, xã Q thì tông vào xe đạp do cháu Trần Ngọc Khánh L2 (SN: 2017, trú tại thôn Đ, xã Q) điều khiển chở theo sau cháu Lê Ngọc An N (SN: 2017, trú tại thôn V, xã V, thành phố N) đi cùng chiều phía trước đang chuyển hướng sang trái gây tai nạn.

Hậu quả: Đào Công Đ, Trần Ngọc Khánh L và Lê Ngọc An N bị thương và được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện T4 cơ sở 2/ Xe môtô và xe đạp hư hỏng nhẹ.

Bản kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số 407, 408/KLTTCT-GĐPY ngày 12/8/2024 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y tỉnh T (nay là thành phố H) đối với Trần Ngọc Khánh L, Lê Ngọc An N kết luận:

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Ngọc Khánh L tại thời điểm giám định là 59% (năm mươi chín phần trăm).

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Ngọc An N tại thời điểm giám định là 10% (mười phần trăm).

Bản kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số 406/KLTTCT-GĐPY ngày 12/8/2024 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y tỉnh T (nay là thành phố H) đối với Đào Công Đ kết luận:

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Đào Công Đ tại thời điểm giám định là 25% (hai mươi lăm phần trăm).

Ethanol máu ghi nhận tại bệnh án của Đào Công Đ là 32.2 mmol/l tương đương với 32.2 x 4.608 = 148.3776 mg/100ml máu (QĐ 933/QĐ-BYT ngày 23/3/2010 của Bộ Y).

Biên bản khám nghiệm hiện trường và biên bản dựng lại hiện trường xác định:

Hiện trường xảy ra tai nạn giao thông tại đường bê tông xi măng liên thông Đ, xã Q, huyện Q. Đoạn đường trên được mở theo hướng đường T thôn B, xã Q đi vào đường bê tông liên thôn Đ và ra cổng làng Đ. Mặt đường được làm bằng bê tông xi măng rộng 3,5m, hai bên lề được gia cố bằng bê tông xi măng không đồng nhất rộng 0,57m và 1,05m. Đoạn đường xảy ra tai nạn là ngay đoạn đường có ngã ba rẽ vào xóm cạnh nhà ông Trần B, đoạn đường thẳng không có biển báo giao thông nguy hiểm, không có vật cản che khuất tầm nhìn.

Chọn hướng đi từ Tỉnh lộ 8C thôn B, xã Q vào đường bê tông liên thôn ra cổng làng Đ làm chiều khám nghiệm. Chọn mép đường bê tông bên phải làm chuẩn, chọn trụ điện đầu tiên, bên phải làm mốc cố định ký hiệu (M).

Căn cứ kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 17/7/2024 và kết quả dựng lại hiện trường ngày 19/8/2024, xác định tại hiện trường ghi nhận các dấu vết và vị trí các phương tiện liên quan như sau:

+ Số 1: Vị trí mảnh vỡ sơn màu đỏ; tại vị trí này tâm (1) cách mép đường bê tông bên phải là 1,1m, cách trụ (M) là 5,3m của chiều khám nghiệm.

+ Số 2: Điểm đầu của vết cày xước mặt đường bê tông, bám chất bẩn màu đen dài 2m. Sau đó có hai vết cày xước mặt đường bê tông được tạo mới song song nhau, ngắt quảng dài 8,75m theo hướng khám nghiệm; điểm đầu dấu vết cày cách mép đường bê tông bên phải là 0,96m, điểm cuối cách mép đường bê tông bên phải là 1,15m.

+ Số 3: Mảnh vỡ nhựa màu đỏ, tại vị trí này tâm (3) cách mép đường bê tông bên phải là 2,5m, cách điểm đầu (2) là 1,57m sang trái theo chiều khám nghiệm.

+ Số 4: Vị trí xe đạp nằm ngã nghiêng phải, trên lề bê tông trái của chiều khám nghiệm, đầu xe quay về hướng ra ruộng nằm trên thành kênh mương nước, đuôi xe quay vào hướng tim đường, bánh sau nằm trên lề bê tông, xe xoay ngang. Phần khung sườn sau, bánh trước, sau bị biến dạng uốn cong; trục trước bánh trước xe (4) cách mép đường bê tông bên trái là 1,08m, trục sau (4) cách 0,26m và cách tâm (3) là 1,8m, xung quanh có đồ vật bị rơi vương vãi trên mặt đường.

+ Số 5: Xe mô tô 75E1 – 265.65 nằm ngã nghiêng phải, bánh trước nằm ở phần đường bên phải, đầu xe quay về hướng ngược chiều khám nghiệm; bánh sau xe nằm ở phần đường bên trái, đuôi xe quay về hướng cùng chiều khám nghiệm. Trục bánh trước (5) nằm ngay điểm cuối vết cày xước của (2) cách mép đường bê

tông bên phải 1,15m, trục sau cách mép đường bê tông bên phải là 1,7m của chiều khám nghiệm.

+ số 6: Vùng dịch hồng bám trên mặt đường bê tông bên phải có kích thước (1,5x1m). Tại vị trí này tâm (6) cách trục giữa xe (5) là 0,75m và cách mép đường bê tông bên phải là 0,5m của chiều khám nghiệm.

+ số 7: Vùng dịch hồng, vùng ẩm nước bám dính trên bề mặt đường bê tông bên phải có kích thước (1,1x0,7m). T2 (7) cách tâm vùng dịch (6) là 3,1m theo hướng ngược chiều khám nghiệm cách mép đường bê tông bên phải là 0,9m của chiều khám nghiệm. Xung quanh vùng (6) và (7) trên lề bê tông bên phải của hướng khám nghiệm phát hiện có nón bảo hiểm, dép, áo rơi vương vãi xung quanh hiện trường tai nạn.

Kết quả khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông xác định:

* Xe đạp:

- Mép dè trái phía sau (dè trước) nơi cách điểm cuối 14cm có vết uốn cong từ trước ra sau có kích thước 1,5 x 0,3cm;

- Cóng để yên xe phía sau bên trái bị uốn cong kim loại có bám chất màu đen kích thước 11 x 1,5cm;

- Dè xe phía sau tương ứng với dỏ yên xe trên có vết uốn cong kim loại và nức vỏ sơn chiều hướng từ trái sang phải kích thước 8,5 x 1,5cm;

- Càn kim loại gắn kết giữa sườn xe bà bánh sau bên trái tại vị trí gần lốp xe có vết biến dạng uốn cong kim loại và bám chất màu đen trên bề mặt chiều hướng từ trái sang phải, kích thước 13 x 01cm;

- Tại vị trí gác nhân sau bên trái có vết biến dạng, rách kim loại ở điểm tiếp xúc giữa thân xe và gác chân làm cho gác chân bị lệch về phía sau 45^0 vùng đấu vết trên có kích thước 07 x 03cm.

- Bánh sau xe bị biến dạng nứt gãy kim loại chiều hướng từ trái sang phải trên diện 46 x 36cm, bánh sau xe bị mắc kẹt không còn tác dụng.

- Mặt ngoài gác chân sau bên phải có vết mài xước kim loại và bám chất bẩn màu xám, kích thước 03 x 02cm.

* Xe mô tô 75E1-265.65

- Cụm mặt nạ đèn pha có đám mài xước có kích thước 23 x 13cm;

- Cụm kim loại cuối tay phanh, cao su tay cầm lái bên phải có vết xây xước nhiều hướng;

- Mặt nạ yếm xe phía trước, vùng bên phải có về mài xước nhựa có kích thước 24 x 08cm, hướng tù trái qua phải; yếm bên phải bung hở, mặt hướng bên phải có vết mài xước sơn diện 32 x 18cm;

- Vỏ đèn xi nhan ở mang phải nứt vỡ;

- Yếm bên trái bung hở hoàn toàn;

- Chắn bùn bánh trước có hai vết nứt nhựa nằm ngang song song cách nhau 9cm;

- Tại mặt lăn lốp xe phía trước, cách số "0" trong dãy số 90/80-17 là 1cm phát hiện vùng vết mài trượt cao su diện 14 x 4cm hướn từ trái qua phải; đối diện vùng xước trên sang mép phải bám dính chất màu đỏ có kích thước 02 x 0,03cm. Cách số 80 trong dãy số 80/90-17 theo chiều chuyển động tiến phát hiện vết màu bám chất màu đỏ kích thước 6,5 x 4cm;

- Vành bánh trước bung hở vỏ lốp từ vị trí chân van về sau 56cm theo chiều chuyển động lùi;

- Gác chân trước bên phải có vết gãy kim loại, rơi mất hẳn phần bộ phận gác chân, mặt cuối gác chân sau có vết trầy xướt kim loại;

- Mặt ngoài chân phanh mài xước kim loại, chân phanh bị xác vào cuốn ống xả.

Vật chứng, tài liệu, đồ vật thu giữ, tạm giữ:

- 01 (một) xe mô tô BKS 75E1-265.65;

- 01 (một) xe đạp màu đỏ;

- 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Đào Công Đ.

- 01 (một) túi niêm phong mảnh sơn đỏ số NS4 2213448;

- 01 (một) túi niêm phong mảnh nhựa đỏ số NS4 2037922;

Ngày 23/9/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Q đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 310, 311 bằng hình thức trả lại xe mô tô, xe đạp cho các chủ sở hữu là bị can Đào Công Đ và Trần Ngọc Khánh L và ra Lệnh nhập kho vật chứng các tài liệu, đồ vật nêu trên theo Lệnh nhập kho vật chứng số 100/LNK

Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Đào Công Đ đã tự nguyện bồi thường số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) cho cháu Trần Ngọc Khánh L, ông Trần Văn N1 (bố cháu L) đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự. Cháu Lê Ngọc An N và bà Trần Thị T3 (mẹ cháu N) không yêu cầu đền bù dân sự.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKSQĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Điền truy tố bị cáo Đào Công Đ về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định như Cáo trạng đã truy tố, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội đã gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đ phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" và áp dụng đối với bị cáo như sau:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo từ 12 tháng – 15 tháng tù.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự:

Trả lại cho bị cáo:

- 01 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Đào Công Đ.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) túi niêm phong mảnh sơn đỏ số NS4 2213448;

- 01 (một) túi niêm phong mảnh nhựa đỏ số NS4 2037922;

Về trách nhiệm dân sự: Các bên tự thỏa thuận, không ai có yêu cầu gì thêm nên hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát đã đề nghị và có ý kiến mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H); Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H); Kiểm sát viên:

Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 15h00, ngày 17/7/2024, Đào Công Đ sau khi đi dự đám cưới tại xã Q (đã sử dụng rượu bia, nồng độ cồn trong máu 32.2 mmol/l) điều khiển xe môtô của mình BKS 75E1 – 265.65 đi trên tuyến đường bê tông liên thôn B - Đ ra cổng làng Đ, xã Q để về nhà vợ ở thôn C - L, xã Q. Khi đến ngã ba đường vào nhà thờ đạo thôn Đ, xã Q thì tông vào xe đạp do cháu Trần Ngọc Khánh L (sinh năm: 2017, trú tại thôn Đ, xã Q) điều khiển chở theo sau cháu Lê Ngọc An N (sinh năm: 2017, trú tại thôn V, xã V, thành phố N) đi cùng chiều phía trước đang chuyển hướng sang trái gây tai nạn.

Hậu quả: Đào Công Đ, Trần Ngọc Khánh L và Lê Ngọc An N bị thương và được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện T4 cơ sở 2 với tỷ lệ tổn thương cơ thể lần lượt là: Trần Ngọc Khánh L 59%, Lê Ngọc An N 10% và Đào Công Đ 25%. Tại thời điểm điều khiển xe gây tai nạn, bị cáo Đ có nồng độ cồn trong máu 32.2 mmol/l.

Hành vi của bị cáo Đ điều khiển xe môtô BKS 75E1-265.65 có nồng độ cồn trong máu, thiếu chú ý quan sát, không giảm tốc độ khi đi qua nơi đường giao nhau là vi phạm khoản 1 Điều 35 Luật phòng chống tác hại rượu bia năm 2019, khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ năm 2008 và khoản 3 Điều 5 Thông tư 31/2019 ngày 29/8/2019 của Bộ G. Hậu quả làm các cháu Trần Ngọc Khánh L và Lê Ngọc An N bị thương với tổng tỷ lệ thương tích là 69% nên đã phạm vào tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Điền truy tố bị cáo Đ là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đ đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại cháu Trần Ngọc Khánh L; đại diện hợp pháp của các bị hại có đơn bãi nại đối với bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi vô ý nhưng thuộc trường hợp nghiêm trọng. Bị cáo không tuân thủ các nguyên tắc về an toàn giao thông khi tham gia giao thông, nên đã gây ra tai nạn. Xét đây là vụ án lỗi hỗn hợp, trong đó lỗi chính thuộc về bị cáo Đ; Hơn nữa,

chưa gây ra hậu quả chết người nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Đối với cháu Trần Ngọc Khánh L điều khiển xe đạp chuyển hướng xe mà không có tín hiệu báo rẽ gây ra thương tích đối với 02 người với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 35% (Đức 25%, An Nhiên 10%) là vi phạm khoản 1 Điều 15 Luật giao thông đường bộ năm 2008 nhưng cháu L chưa đủ tuổi nên không xem xét xử lý vi phạm.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự an toàn giao thông, gây thiệt hại đến sức khoẻ của người khác, nên cần phải xử lý tương xứng với hành vi của mình gây ra để có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về biện pháp chấp hành hình phạt:

Xét thấy bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ nêu trên nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ sức răn đe đối với bị cáo đồng thời thể hiện được tính khoan hồng của pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) túi niêm phong mảnh sơn đỏ số NS4 2213448;

- 01 (một) túi niêm phong mảnh nhựa đỏ số NS4 2037922

Xét thấy những vật chứng này không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy.

- Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Đào Công Đ: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, cần trả lại cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bên tự nguyện thỏa thuận mức bồi thường và đã bồi thường xong, không ai có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đào Công Đ phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Đào Công Đ 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đào Công Đ cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, thành phố H giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự;

- Trả lại cho bị cáo Đào Công Đ: Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Đào Công Đ.

- Tịch thu tiêu hủy:

01 (một) túi niêm phong mảnh sơn đỏ số NS4 2213448;

01 (một) túi niêm phong mảnh nhựa đỏ số NS4 2037922

(Số lượng, tình trạng, đặc điểm vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/12/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Điền).

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Đào Công Đ phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được sửa đổi bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi

hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND thành phố Huế;*
- *Sở tư pháp thành phố Huế;*
- *VKSND thành phố Huế;*
- *VKSND huyện Quảng Điền;*
- *Công an huyện Quảng Điền;*
- *Cơ quan THAHS huyện Quảng Điền;*
- *Chi cục THADS huyện Quảng Điền;*
- *UBND xã Quảng Vinh;*
- *Bị cáo;*
- *Những người tham gia tố tụng khác;*
- *Lưu: HS; AV.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Quốc Công